

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 148/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X – kỳ họp thứ 11 về tình hình thực hiện các chỉ tiêu đạt được giai đoạn 2011 – 2015; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng 5 năm 2016 – 2020 của tỉnh Gia Lai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;  
Căn cứ Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020;  
Căn cứ Văn bản số 5316/BKHĐT-TH ngày 15/8/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 148/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X – kỳ họp thứ 11 về tình hình thực hiện các chỉ tiêu đạt được giai đoạn 2011 – 2015; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng 5 năm 2016 – 2020 của tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này kết quả thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2011 – 2015 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng 5 năm giai đoạn 2016 – 2020 của tỉnh Gia Lai; thực hiện theo Nghị quyết số 148/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X – kỳ họp thứ 11. Cụ thể như sau:

**I. Những kết quả đạt được giai đoạn 2011-2015.**

1. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

- Theo giá so sánh 1994, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân đạt 12,81%/năm, (mục tiêu kế hoạch đề ra là 12,8%/năm), trong đó ngành nông, lâm, thủy sản tăng 7,2%, ngành công nghiệp, xây dựng tăng 15,8%, ngành dịch vụ tăng 15,5%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, đến năm 2015 ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 36,22%, ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 33,61%, ngành dịch vụ chiếm 30,17%; GDP bình quân đầu người đạt 39,1 triệu đồng, GRDP bình quân đầu người đạt 35 triệu đồng.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản (theo giá cố định 1994) tăng bình quân 7,01%/năm, vượt kế hoạch 0,41%/năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ 38.000 tỷ đồng, tăng bình quân 24,04%/năm. Kim ngạch xuất khẩu năm 2015 là 310 triệu USD, tăng bình quân 8,29%/năm, gấp 1,24 lần so với kế hoạch. Tốc độ tăng dân số tự nhiên 1,28%, đạt 100% kế hoạch. Giải quyết việc làm 5 năm 2011-2015 là 119.965 người.

Tỷ lệ hộ nghèo năm cuối kỳ 11,67%, giảm trung bình 3,18%/năm, vượt kế hoạch. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 85%. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 19,4% (kế hoạch 17,6%). Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020 đạt 31,1%. Số giường bệnh trên vạn dân đạt 24,4 giường. Số bác sỹ trên vạn dân đạt 7,18 bác sỹ. Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ đạt 80%. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 75,3%. Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch > 99%. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh là 85%. Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom đạt 93%.

- Một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch, đó là: Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá cố định 1994 tăng bình quân 15,45%/năm (kế hoạch 17,4%/năm). Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm đạt 60.703 tỷ đồng, bằng 89,6% so với kế hoạch. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm cuối kỳ đạt 3.050 tỷ đồng; tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách hàng năm là 5,6%; tỷ lệ che phủ rừng (kể cả diện tích cao su) năm cuối kỳ đạt 46,1%.

## **II. Một số nội dung chủ yếu của kế hoạch phát triển KT-XH, bảo đảm an ninh, quốc phòng 5 năm 2016-2020.**

### **1. Về kinh tế:**

a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm theo giá so sánh 2010 (GRDP) đạt 7,5% trở lên; trong đó, ngành nông-lâm-thủy sản tăng 5,57%, ngành công nghiệp-xây dựng tăng 8,49%, ngành dịch vụ tăng 8,75%. Tỷ trọng nông - lâm - thủy sản, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ đến năm 2020 là 37,25% - 28,9% - 33,85%. GRDP bình quân đầu người đến năm 2020 đạt 54,8 triệu đồng/người.

b) Các ngành lĩnh vực phân đầu đạt các chỉ tiêu sau:

- Giá trị sản xuất ngành nông - lâm nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) đến năm 2020 đạt 30.750 tỷ đồng, tăng bình quân 5,57%/năm, trong đó nông nghiệp tăng bình quân 5,58%/năm; lâm nghiệp tăng bình quân 4,34%; thủy sản 6,51%.

- Sản lượng lương thực có hạt trung bình hàng năm đạt 650.200 tấn; diện tích rừng trồng mới hàng năm đạt trên 800 ha. Đến năm 2020 duy trì ổn định diện tích cao su, cà phê, hồ tiêu; sử dụng linh hoạt diện tích đất trồng cây hàng năm; phát triển mạnh chăn nuôi theo quy mô công nghiệp, khép kín theo chuỗi giá trị. Đến năm 2020 có 70 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 38%.

- Phân đầu tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước đạt 9 - 10%/năm.

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 8,49%/năm. Khuyến khích phát triển công nghiệp theo nhóm, chuỗi sản phẩm, thực hiện tốt chính sách hỗ trợ, khuyến khích để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đầu tư các cơ sở chế biến quy mô lớn, có thiết bị, công nghệ tiên tiến chế biến sản phẩm tinh chế.

- Phân đầu ngành dịch vụ tăng bình quân 8,75%/năm. Chú trọng phát triển một số ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, có tiềm năng như: du lịch, công nghệ thông tin, viễn thông, tài chính, ngân hàng. Đảm bảo hàng hóa lưu thông thông suốt, giá cả ổn định. Chú trọng xuất khẩu để đảm bảo đầu ra cho các sản phẩm chủ lực; phân đầu kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 630 triệu USD, tăng bình quân 15,24%/năm.

2. Về văn hóa - xã hội, môi trường: Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,8%/năm; đến năm 2020 giảm còn 2,68% (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015). Phân đầu đến năm 2020 tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 1,2%; tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 88%; tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc trung học cơ sở đạt 91,5%; tỷ

lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 40%; có 100% dân số thành thị và 95% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh; tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 100%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%; tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế 61,3% và đạt 8 bác sĩ/ vạn dân; tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 90,1% dân số; độ che phủ rừng 46,6%.

3. Về an ninh, quốc phòng, chính trị, trật tự an toàn xã hội,

- Tiếp tục tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu. Giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới; đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch và bọn phản động Fulro; xây dựng các phương án tác chiến cụ thể ứng phó kịp thời các tình huống xảy ra, không để bị động, bất ngờ. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, bảo đảm an ninh kết hợp với phát triển kinh tế. Tiếp tục củng cố và xây dựng khu vực phòng thủ giữ vững nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân nhất là tại các điểm nóng, các địa bàn trọng điểm.

4. Cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

- Đẩy mạnh cải cách hành chính trên các lĩnh vực, nâng cao chỉ số về cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh; tập trung triển khai dịch vụ hành chính công, minh bạch hóa thủ tục hành chính. Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong từng cơ quan, địa phương, cá nhân, tổ chức. Xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu, vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ. Đề cao trách nhiệm của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương; thực hiện nghiêm túc quy định trong công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; tập trung giải quyết ngay từ cơ sở, không để phát sinh thành điểm nóng, tụ tập đông người.

## **Điều 2.**

1. Căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm 2016 - 2020, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp, các chủ đầu tư, chủ dự án chủ động xây dựng kế hoạch hàng năm của ngành, địa phương, đơn vị mình.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan:

- Xây dựng cơ chế, kế hoạch triển khai và theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch 5 năm 2016 – 2020, chương trình hành động thực hiện kế hoạch 5 năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp, các chủ đầu tư xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của ngành, địa phương, đơn vị mình; tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 10/11 của năm trước năm kế hoạch.

- Trong quá trình thực hiện thường xuyên tổ chức kiểm tra, rà soát, kịp thời đề xuất việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng giai đoạn 2016 – 2020 của tỉnh theo đúng quy định và phù hợp với thực tế.

3. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính thông báo các chỉ tiêu hướng dẫn để cụ thể hóa các chỉ tiêu kế hoạch do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho các năm kế hoạch giai đoạn 2016 – 2020. Các quy định trước đây trái với Quyết định này bị bãi bỏ.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp, các chủ đầu tư, chủ dự án chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- VP Chính phủ (báo cáo);
- Bộ KHĐT, Bộ Tài chính (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- MTTQ Việt Nam tỉnh (phối hợp);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Website tỉnh;
- Lưu: VT, NL, NV, CNXD, VX, NC, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Ngọc Thành**